

Phụ lục I

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030						Dự kiến kết quả thực hiện năm 2026				Dự kiến kinh phí												Ghi chú							
		Số lượng	Đvt	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030						Năm 2026												
				Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		NSTW			NSDP			Vốn huy động	NSTW			NSDP			Vốn huy động					
													Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng		Vốn ĐT		Vốn SN				
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																														
1	Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở (Vốn SN)	25	hộ	5	nhà	25	hộ	1	mô hình	10	hộ	100	1.000			1.000	100			100			400			400	40		40		
2	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở (Vốn SN)	40	hộ	40	căn nhà	40	căn nhà	1	mô hình	10	hộ	100	1.600			1.600	160			160			400			400	40		40		
3	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (Vốn SN)		hộ																												
+	Hỗ trợ đất sản xuất		hộ																												
+	Hỗ trợ chuyển đổi nghề		hộ																												
4	Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt																														
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Vốn SN)	50	hộ	5	mô hình	50	hộ	1	mô hình	10	hộ		150			150						30			30						
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung (Vốn ĐT)		công trình																												
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		hộ																												
-	Dự án TĐC tập trung		Dự án	1	khu dân cư	1	khu dân cư	1	khu dân cư	100	hộ		20.000	20.000			2.000	2.000				20.000	20.000			2.000	2.000				
-	Dự án TĐC xen ghép		Dự án																												
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị																														
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		ha																												
-	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ		ha																												
-	Hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình		ha																												
-	Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung		ha																												
-	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ		ha																												
-	Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	200	ha	5	mô hình	100	hộ	1	30	15	hộ	75,6	3.000			3.000	300			300			450			450	45		45		
-	Trợ cấp gạo trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ																														
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN																														
-	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị																														
+	Dự án chuỗi giá trị	10	dự án	10	mô hình	250	hộ	2	mô hình	50	hộ		6.000			6.000	600			600			1.200			1.200	120		120		
+	Dự án PTSX công đồng		dự án																												
	Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý		dự án																												
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN																														
3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng DTTS&MN																														
+	Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi, trồng trọt																														
+	Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường																														
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc																														
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN																														
a)	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN		công trình																												
-	Công trình (nếu rõ tên, địa điểm....)		công trình																												
+	Đường giao thông nông thôn		công trình																												
+	CT Trường học		công trình																												
+	CT thủy lợi		công trình																												
+	CT điện nông thôn		công trình																												
+	CT nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng thôn		công trình																												

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030						DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2026						DỰ KIẾN KINH PHÍ												Ghi chú	
		Số lượng	Đvt	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030						Năm 2026								
				Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		NSTW			NSDP			Vốn huy động	NSTW			NSDP				Vốn huy động
													Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		
+	Trạm y tế:																										
-	Xây mới		trạm																								
-	Sửa chữa		trạm																								
+	CT nước sinh hoạt		công trình																								
+	Số km đường được đầu tư nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa		km																								
+	CT hạ tầng cơ bản khác		công trình																								
-	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cài tạo năng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN		Chợ																								
+	Xây mới																										
+	Sửa chữa																										
-	Duy tu bảo dưỡng		công trình																								
2	Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc		công trình																								
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		công trình										10.648	0	10.648	252	0	252	0	3.778	0	3.778					
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	1	công trình	1	công trình phòng ở cho HS bán trú	76	Học sinh	1	công trình phòng ở cho HS bán trú	76	Học sinh	20	2.160		2.160					2.160		2.160					
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	20	lớp	20	lớp	1000	người	4	lớp	200	người	20	1100	0	1100	0	0	0	0	140	0	140					
-	Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	20	lớp	20	lớp	1000	người	4	lớp	200	người	20	1.100		1.100					140		140					
-	Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học																										
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN												2.600	0	2.600	0	0	0	0	520	0	520					
-	Nội dung số 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo	10	lớp	10	lớp	450	người	2	lớp	90	người	20	1.200		1.200					240		240					
-	Nội dung số 02: Hỗ trợ đào tạo nghề																										
-	Nội dung số 03: Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng			10	lớp	560	người	2	lớp	112	người	20	1.400		1.400					280		280					
-	Nội dung số 04: Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS																										
-	Nội dung số 05: Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở GDNN vùng DTTS&MN																										
+	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề																										
+	Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy																										
+	Xây dựng các bộ chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp																										
+	Ứng dụng công nghệ thông tin, số hoá																										
+	Hỗ trợ đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình tại các cơ sở GDNN																										
+	Hỗ trợ đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo nghề tại các cơ sở GDNN																										
-	Nội dung số 06: Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án																										
4	Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp												4788		4788	252		252		958		958	50		50		
-	Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực			10	lớp	800	người	2	lớp	160	người	20%	2394		2394	126		126		479		479	25		25		
-	Đoàn đi học tập kinh nghiệm thực hiện chương trình			20	đoàn	800	người	4	lớp	160	người	20%	2394		2394	126		126		479		479	25		25		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			70	mô hình	14	thôn	14	mô hình	14	thôn	20%	13300		13300	700		700		2660		2660	1540		1540		

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030						DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2026						DỰ KIẾN KINH PHÍ												Ghi chú	
		Số lượng	Đvt	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030						Năm 2026								
				Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		NSTW			NSDP			Vốn huy động	NSTW			NSDP				Vốn huy động
													Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		
1	Nội dung số 01: Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các DTTS có dân số ít người																										
2	Nội dung số 02: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS																										
3	Nội dung số 03: Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch																										
4	Nội dung số 04: Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận																										
5	Nội dung số 05: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể																										
6	Nội dung số 06: Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một																										
7	Nội dung số 07: Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS																										
8	Nội dung số 08: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư																										
9	Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN																										
10	Nội dung số 10: Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN																										
11	Nội dung số 11: Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS																										
12	Nội dung số 12: Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS																										
13	Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS																										
14	Nội dung số 14: Hỗ trợ chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống, chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch																										
15	Nội dung số 15: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS																										
16	Nội dung số 16: Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS																										
17	Nội dung số 17: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS																										
18	Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.																										
19	Nội dung số 19: Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch																										
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			40	mô hình	14	thôn	8	mô hình	14	thôn	20%	2233		2233	118		118		447		447	24		24		
1	Nội dung số 01: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN																										
2	Nội dung số 02: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS &MN																										
3	Nội dung số 03: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS																										
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			10	mô hình	14	thôn	2	mô hình	2	thôn	20%	1235		1235	650		650		247		247	130		130		

[illegible]

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DTTS&MN

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án/công trình (chi tiết)	Địa điểm	Dự án, Tiểu Dự án	Tổng mức đầu tư				Thời gian thực hiện	Ghi chú
				Tổng	NSTW	NSDP	Vốn huy động khác		
1	Đường nội Làng Chừ (Đoạn từ nhà A Mịch đến nhà A Bì)	Làng Chừ		300	270	30		2026	
2	Giếng khoang Làng Tum	Làng Tum, Ya Ly		635	600	35		2026	
3	Xây mới nương thủy lợi (Khu ruộng nhà Ông Sáng)	Kiến Hưng, Ya Ly		40	35	5		2026	
4	Bê tông đường nội Làng chừ (Đoạn từ nhà ông A Thít đến nhà ông A Mười)	làng Chừ		69	59	10		2026	
5	Nâng cấp kênh nương thủy lợi Làng Rắc	làng Rắc		198	180	18		2026	
6	Đường đi khu sản xuất làng O(đoạn từ rẫy ông A Thanh đến rẫy ông A Thứ)	làng O		1320	1200	120		2026	
7	Đường sản xuất Làng Chừ(Đoạn từ nhà ông Thề vào khu sản xuất)	làng Chừ		2.250	1.957	293		2026	
8	Bê tông hóa đường nội thôn làng Trang(đoạn từ Trường Mầm non đến nhà ông A Thung)	làng Trang		924	840	84		2027	
9	Đường đi khu sản xuất làng Trang(đoạn nối tiếp từ Km 1+100 đi tiếp khu sản xuất)	làng Trang		924	840	84		2027	
10	Đường sản xuất thôn Kiến Hưng vào rẫy nhà bà Thi	Kiến Hưng		2.200	2.000	200		2027	
11	Đường sản xuất thôn Kiến Hưng (Đoạn từ rẫy ông A Nhó vào khu sản xuất)	Kiến Hưng		270	235	35		2027	
12	Nhà văn hóa thôn Kiến Hưng	Kiến Hưng		365	340	25		2027	
13	Đường đi nghĩa địa Làng Lung	làng Lung		396	360	36		2027	
14	Bê tông hóa đường nội thôn làng Lung(đoạn từ nhà ông A Hyúí đến cầu treo)	làng Lung		792	720	72		2027	
15	Đường đi khu sản xuất làng Lung(đoạn từ cầu treo đi khu sản xuất)	làng Lung		1056	960	96		2027	
16	Đường sản xuất thôn Kiến Hưng (Đoạn từ nhà ông Lâm vào khu sản xuất)	Kiến Hưng, Ya Ly		461	400	61		2027	

17	Đường nội thôn Làng Tum(Đoạn từ nhà ông A Chuých đến nhà ông A Long)	làng Tum		230	200	30		2027	
18	Đường đi khu sản xuất thôn Ya De(đoạn đối diện trạm Y tế xã đi vào khu sản xuất)	thôn Ya De		660	600	60		2027	
19	Đường đi khu sản xuất thôn Ya De(đoạn từ nhà ông Quý đi lên khu sản xuất)	thôn Ya De		462	420	42		2027	
20	Bê tông hóa đường nội thôn làng Rắc(đoạn từ nhà bà Y Bem đến nhà ông A Oan)	làng Rắc		132	120	12		2028	
21	Đường đi cánh đồng lúa làng Rắc(đoạn từ sân bóng đến vườn ông A Nảo)	làng Rắc		330	300	30		2028	
22	Đường sản xuất Làng Chừ(Đoạn từ nhà ông A Mỹ vào khu sản xuất)	làng Chừ		2.550	2.218	332		2028	
23	Xây dựng giếng khoan Thôn Kiến Hưng và hệ thống phụ trợ khác	Kiến Hưng		220	200	20		2028	
24	Đường đi khu sản xuất làng O(đoạn từ nghĩa trang suông lòng hồ thủy điện IA Ly)	làng O		158,4	144	14,4		2028	
25	Khu thể thao thôn(01 sân bóng chuyền làng O)	làng O		330	300	30		2028	
26	Bê tông hóa đường nội thôn làng O(đoạn từ nhà ông Tuấn đến nhà ông A Dữih)	làng O		660	600	60		2028	
27	Xây mới mương thoát nước đường nội thôn làng O(đoạn từ nhà Y Nóc đến nhà ông A Klel)	làng O		132	120	12		2029	
28	Đường đi khu sản xuất thôn Thanh Xuân(Đoạn từ Ruộng ông Vi Văn Sửu đến rẫy ông Vi Xuân Hòa)	Thanh Xuân		1056	960	96		2029	
29	Đường đi khu sản xuất thôn Thanh Xuân(Đoạn từ ao ông Lương Thanh Chiến đến rẫy ông Lê Văn Công)	Thanh Xuân		924	840	84		2029	
30	Làm mới kênh mương thủy lợi Thôn 1	thôn 1		198	180	18		2029	
31	Đường đi khu sản xuất thôn 1(Đoạn từ nhà ông Lương Văn Chiến đi vào khu sản xuất)	thôn 1		1254	1140	114		2029	
32	Đường đi khu sản xuất thôn 1(Đoạn từ nhà ông Lê Văn Phúc đi vào khu sản xuất)	thôn 1		1980	1800	180		2029	
33	Khu thể thao thôn(01 sân bóng chuyền thôn Thanh Xuân)	Thanh Xuân		33	30	3		2029	
34	Khu thể thao thôn(01 sân bóng bóng đá thôn Thanh Xuân)	Thanh Xuân		33	30	3		2029	

35	Bê tông hóa đường nội thôn Thanh Xuân nhánh 2(đoạn từ sân bóng lên đài tượng niệm Chư Tan Kra)	Thanh Xuân		1254	1140	114		2029	
36	Đường đi khu sản xuất thôn Thanh Xuân(Đoạn từ Rẫy ông Tầm đến rẫy bà Lương Thị Nguyên)	Thanh Xuân		1320	1200	120		2029	
37	Đường đi khu sản xuất thôn Thanh Xuân(Đoạn từ Rẫy ông Lương Hồng Ninh đến rẫy ông Lò Minh Thống)	Thanh Xuân		1320	1200	120		2029	
38	Bê tông hóa đường nội thôn Thanh Xuân nhánh 3(đoạn từ nhà ông Hà Văn Duyên đến nhà ông Hà Xuân Tình)	Thanh Xuân		1584	1440	144		2029	
39	Đường đi khu sản xuất thôn Thanh Xuân(Đoạn từ nhà ông Lang Văn Tiến đến khu sản xuất của làng Rắc)	Thanh Xuân		1980	1800	180		2030	
40	Cổng hộp và bê tông hai đầu cổng đường qua suối Ya Tông đối diện đài tưởng niệm Chư tan Kra thôn Thanh Xuân	Thanh Xuân		550	500	50		2030	
TỔNG CỘNG				31.550	28.478	3.072			